

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày 30-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 08/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS ngày 24/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1981; thường trú: Số 2941/32/15/6 đường Phạm Thê H, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 467/7 đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1966; thường trú: Số 29/14 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Kim H, sinh năm 1972; thường trú: Số 29/14 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2020, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T trình bày:

Vào khoảng tháng 8 năm 2014, ông Nguyễn Trung N và bà Lê Kim H đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á làm thủ tục vay vốn, với số tiền 250.000.000 đồng. Thời điểm này ông Nguyễn Tiến T đang làm việc tại ngân hàng và phụ trách hồ sơ vay vốn của vợ chồng ông N. Sau khi kiểm tra hồ sơ vay vốn thì vợ chồng ông N còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Dĩ An số tiền 150.000.000 đồng, do là chỗ khách hàng thân thiết nên ông N có đề nghị ông T cho vay số tiền 150.000.000 đồng để trả khoản vay cho Quỹ tín dụng nhân dân Dĩ An để hoàn thiện hồ sơ vay tại ngân hàng. Bốn tháng sau ông N đã trả lại số tiền 150.000.000 đồng cho ông T. Sau khi được giải ngân số tiền 250.000.000 đồng đến thời hạn trả nợ ông N không có tiền nên vay ông T số tiền 250.000.000 đồng. Ngày 31/12/2014, hai bên lập giấy mượn tiền, ông T đã giao cho ông N số tiền 250.000.000 đồng, ông N giao cho ông T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 260570 do Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp ngày 18/01/2011 để làm tin, việc vay mượn giữa hai bên không có lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả. Khoảng 05 ngày sau khi vay tiền, ông N có đến mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục nên ông T đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N. Trong quá trình vay ông N đã trả cho ông T được tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng, từ năm 2015 đến nay ông N không trả cho ông T bất kỳ khoản tiền nào khác. Ông T đã nhiều lần liên hệ với vợ chồng ông N để trả khoản tiền còn nợ nhưng vợ chồng ông N cố tình tránh né, không có thiện chí trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trung N trả cho ông Nguyễn Tiến T số tiền còn nợ theo Giấy mượn tiền ngày 31/12/2014 là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Trung N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim H:

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu ông Nguyễn Trung N và bà Lê Kim H có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08/3/2021 nhưng ông N và bà H vắng mặt không có lý do. Đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về bị đơn ông Nguyễn Trung N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim H quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành việc tổng đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông N và bà H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim H là đảm bảo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, chứng cứ Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự và kết quả diễn biến tại phiên tòa, xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trung N phải trả số tiền đã vay. Ông Nguyễn Trung N cư trú tại địa chỉ số 29/14 khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Nên đây là vụ án dân sự Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Theo biên bản xác minh ngày 03/12/2020 của Tòa án tại Công an phường Tân Đông Hiệp xác định bị đơn ông Nguyễn Trung N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 29/14 khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không trình báo nên chính quyền địa phương không biết hiện ông N và bà H cư trú tại đâu. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập ông N và bà H về làm việc nhưng ông N và bà H vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập ông N và bà H tham gia phiên tòa vào các ngày 24/3/2021 và ngày 30/3/2021 nhưng ông N và bà H vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng tất cả các đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

Bị đơn ông Nguyễn Trung N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ, đồng thời bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi số tiền gốc 150.000.000 đồng. Nguyên đơn xác định cho bị đơn vay số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 31/12/2014, khoản vay không lãi suất, không có thời hạn. Việc

vay tiền được lập thành văn bản. Sau khi ký Giấy vay tiền, nguyên đơn đã giao toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng cho bị đơn, nội dung giao tiền được thể hiện trong hợp đồng vay tiền. Nguyên đơn xác định từ khi vay cho đến thời điểm hiện tại bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng.

Xét Giấy mượn tiền ngày 31/12/2014 được lập thành văn bản, nội dung rõ ràng. Thể hiện bên cho vay là nguyên đơn, bên vay là bị đơn, số tiền vay là 250.000.000 đồng và việc giao tiền được hoàn tất khi ký giấy mượn tiền. Hợp đồng có chữ ký và chữ viết của bị đơn phía người vay tiền. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 150.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T.

[5] Về chi phí đăng thông báo: Tổng chi phí đăng thông báo hết số tiền 2.500.000 đồng, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Trung N.

Ông Nguyễn Trung N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tiến T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí đăng thông báo: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tiến T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung N phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết